

Bản án số: 134/2023/DS-PT

Ngày: 18/9/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Bà Mai Vương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLPT-DS ngày 26/7/2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 155/2023/QĐPT-DS ngày 25/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 214/2023/QĐ-PT ngày 07/9/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Như Y**, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Khối phố 5 phường A, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

+ *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* **Công ty luật Q** do ông **Trương Công S** - chức vụ: Giám đốc Công ty; Địa chỉ: Số 87 đường P, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, (theo giấy ủy quyền ngày 07/9/2022), (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Lâm Đăng K**, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Tổ 33, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, (có mặt).

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lý Vinh H - Luật sư của Công ty luật TNHH Một thành viên K; Địa chỉ: Số 300 đường L, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (có mặt).*

3. *Người kháng cáo: Bị đơn ông Lâm Đăng K.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 22/11/2022, bản tự khai và nội dung tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào khoảng tháng 3/2022, thông qua mối quan hệ quen biết bà Nguyễn Thị Như Y và ông Lâm Đăng K có thỏa thuận, thống nhất cùng hợp tác mở xưởng cắt vải gia công. Theo đó, để đầu tư vào trang thiết bị phục vụ cho quá trình cắt vải gia công bà Y đã giao cho ông K số tiền 250.000.000đồng. Tuy nhiên, vì một số lý do nên hai bên đã thỏa thuận, thống nhất không triển khai đầu tư, sản xuất nữa và chấm dứt việc hợp tác, theo đó bà Y sẽ giao lại xưởng cho ông K đồng thời ông K thống nhất sẽ hoàn lại cho bà Y số tiền đã nhận của bà Y là 250.000.000đồng. Sau đó, vì ông K chưa có tiền để trả lại cho bà Y nên đã cam kết, nên bà Y đã thống nhất cho ông K vay số tiền đó với thời hạn 03 tháng. Vì vậy, vào ngày 17/5/2022 bà Y và ông K đã ký hợp đồng vay tiền với thời hạn 03 tháng tính từ ngày 10/5/2022 đến ngày 10/8/2022, tương ứng lãi suất cho vay là 0,3%/tháng tính trên tổng số tiền vay. Căn cứ theo hợp đồng vay tiền này, ông K có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Y 03 đợt như sau:

- Đợt 01: thanh toán trước ngày 10/6/2022 với số tiền 50.000.000đồng;
- Đợt 02: thanh toán trước ngày 10/7/2022 với số tiền 50.000.000đồng;
- Đợt 03: thanh toán trước ngày 10/8/2022 với số tiền 150.000.000đồng;

Tính đến nay đã hơn 03 tháng kể từ ngày đến hạn cuối cùng phải trả tiền vay theo hợp đồng vay tiền. Tuy nhiên ông K vẫn chưa trả cho bà Y bất kỳ một khoản tiền vay nào mặc dù bà Y đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông K trả tiền.

Ngoài ra, trong quá trình hợp tác làm ăn chung ông K còn nợ bà Y số tiền 42.000.000đồng nhưng đến nay vẫn chưa trả cho bà Y. Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay thì tổng số tiền mà ông K còn nợ bà Y là 292.000.000đồng. Nay bà Y yêu cầu ông K phải thanh toán một lần số tiền còn nợ gốc là 292.000.000đồng và khoản tiền lãi phát tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm, cụ thể từ ngày 16/11/2022 đến ngày 14/6/2023 (07 tháng) là 16.800.000đồng. Tổng cộng là 308.800.000đồng.

Khoản tiền 292.000.000đồng mà bà Y cho ông K vay không liên quan đến ông Võ Ngọc Sang (chồng bà Y).

** Theo đơn trình bày ngày 22/02/2023, nội dung tại các phiên hòa giải và trình bày tại phiên tòa của bị đơn ông Lâm Đăng K thể hiện:*

Đầu tháng 01/2022, vợ chồng ông Sang và bà Y là đối tác mua vải rẻ của ông. Ông Sang (chồng bà Nguyễn Thị Như Y) đặt vấn đề hợp tác với ông K mở thêm xưởng, nhằm tạo điều kiện cho vợ ông Sang (tức bà Nguyễn Thị Như Y) có công việc và có thêm thu nhập. Sau nhiều lần đàm phán, vào đầu tháng 3/2022 ông K và vợ chồng bà Y đã thống nhất phương án hợp tác thành lập xưởng cắt vải tại Khánh An 11, với phương thức mỗi bên sẽ đầu tư 01 hạng mục, hạng mục của ai hư hỏng người đó tự khắc phục, trường hợp kết thúc hợp tác thì ai đầu tư hạng mục nào thì tự tháo dỡ hạng mục đó, (cá nhân ông K chịu trách nhiệm đầu tư máy móc thiết bị, bà Y đầu tư cơ sở hạ tầng).

Hình thức ăn chia lợi nhuận 50/50 sau khi trừ chi phí, trên tinh thần tin tưởng, hợp tác được thỏa thuận hợp tác bằng miệng, với phương thức có lợi cùng hưởng, thiệt hại cùng chịu.

Ông K và vợ chồng bà Y đã cùng nhau tìm mặt bằng để mở xưởng, sau khi đồng ý vị trí lập xưởng bà Yến trực tiếp chuyển tiền thuê mặt bằng cho chủ nhà để tiến hành lắp đặt cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị.

Sau khi bà Y đã cọc hợp đồng thuê mặt bằng và thông báo gia đình bà đi xa nghĩ lễ, nhờ ông K lắp đặt giúp cơ sở hạ tầng gồm bàn cắt, làm nền xưởng và các hạng mục liên quan đến trách nhiệm của bà Y, với số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng). Do mua sắm vật tư bị thiếu ông K đã thông báo để bà Yến chuyển khoản bổ sung, bà Y chuyển cho ông 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) để bổ sung mua sắm.

Sau khi mua sắm, ông K thông báo còn dư lại số tiền 48.000.000đồng (bốn mươi tám triệu) và bà Y nhờ ông K chuyển số tiền đó để thanh toán cho chủ mặt bằng mà trước đó bà Yến chuyển còn thiếu. Để đảm bảo quyền lợi cho bà Y, ông K giao tất cả xưởng cho bà Y trực tiếp quản lý cả về nhân sự, đơn giá gia công, thu chi, kế hoạch làm việc... Ông chỉ chịu trách nhiệm tìm kiếm nguồn hàng sản xuất.

Giữa tháng 3/2022 khi xưởng vào hoạt động, bà Y đã tham gia vào làm việc, quản lý, điều hành xưởng theo như thỏa thuận 2 bên.

Nên việc ký kết hợp đồng vay tiền đầu tư là không đúng.

Về việc ký kết hợp đồng như bà Y đã nộp làm chứng cứ để khởi kiện tại tòa, ông K trình bày như sau:

Trong quá trình hoạt động vào giữa tháng 4/2022, do xưởng chưa đáp ứng được cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị sản xuất, ông K có bàn với 2 vợ chồng bà Yến là cần mở rộng xưởng, đầu tư thêm các thiết bị máy móc để mở rộng sản xuất và đáp ứng được nhu cầu sản xuất hàng cho khách. Ông K có giải thích là không còn nguồn tiền để đầu tư, kêu gọi bà Y đầu tư thêm và nếu bà Y cũng không có khả năng đầu tư thêm, ông Khoa sẽ tìm bên khác đầu tư vào các hạng mục còn thiếu, và lợi nhuận sẽ chia ra 3 phần. Sau thời gian, bà Y có đưa ông K hợp đồng đầu tư, ông K nghĩ đây là hợp đồng đầu tư thêm từ bà Y nằm ngoài các hạng mục đã đầu tư

trước đó mà 2 bên đã thống nhất bằng miệng. Vì là hợp đồng này đầu tư ngoài hạng mục đang hợp tác và số tiền lớn nên ông K đã đề nghị cùng bà Y ra phòng công chứng để ký kết và thực hiện theo hợp đồng. Theo đúng ngày hẹn, ông ra phòng công chứng như thỏa thuận thì bà Y báo đang ở quê, không công chứng được và hẹn ông vài ngày sau ra quán cà phê để ký. Lý do được bà Y đưa ra là sợ thủ tục tại phòng công chứng rắc rối.

Ông K đã ký hợp đồng tại quán cà phê giao lại cho bà Y và đến nay chưa nhận được số tiền đầu tư theo hợp đồng đã ký, bằng bất cứ hình thức nào.

Giữa tháng 7/2022 xưởng gặp nhiều sự cố ngoài ý muốn, ông Khoa không thể tiếp tục điều hành xưởng và quyết định giải thể.

Trước khi trả lại mặt bằng, ông K đã nhiều lần thông báo cho bà Y tháo dỡ các hạng mục đã đầu tư về để trả mặt bằng cho chủ xưởng.

Cho đến cuối tháng 8/2022 chủ xưởng tự tháo bỏ các hạng mục còn lại thuộc bà Y để cho bên khác thuê mặt bằng, ông K không can thiệp vào chuyện tháo dỡ của chủ xưởng.

Những lời ông trình bày trên là đúng sự thật, kính mong quý tòa xem xét, giải quyết.

Trong khoản tiền 292.000.000đồng mà bà Nguyễn Thị Như Y yêu cầu ông K trả thì ông Khoa chỉ thống nhất số tiền còn nợ là 42.000.000đồng. Còn số tiền 250.000.000đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 17/5/2022 giữa ông K và bà Y đã ký thì bản chất số tiền này là để góp vốn mở xưởng gia công làm ăn với nhau, tuy nhiên thực tế bà Y chưa chuyển số tiền góp vốn này, sau đó giữa ông Khoa và bà Yến không có hợp tác làm ăn nữa nên ông K không có trách nhiệm trả số tiền 250.000.000đồng này cho bà Y.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét File ghi âm mà nguyên đơn cung cấp là chứng cứ, vì file ghi âm này chưa được mã hóa và nội dung cuộc hội thoại trong File ghi âm giữa ông K và bà Y đã được chép ra bằng văn bản mà nguyên đơn cung cấp không liên mạch không thể hiện hết nội dung cuộc hội thoại.

Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 17/5/2023 do nguyên đơn cung cấp, đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá đúng bản chất, vì theo ông Lâm Đăng K thì khi ký hợp đồng tại quán cà phê ông đã ký từng trang, nội dung hợp đồng ông K không đọc vì tin tưởng đây là hợp đồng hợp tác đầu tư, tuy nhiên nguyên đơn lại xuất trình bản hợp đồng vay tiền ngày 17/5/2022 không có chữ ký từng trang của ông K mà chỉ có trang cuối thể hiện chữ ký và điểm chỉ của ông K, tại trang cuối của hợp đồng không thể hiện bên A hay bên B là người vay tiền do đó không có cơ sở xác định ông K là người vay số tiền 250.000.000đồng của bà Y. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đòi số tiền 250.000.000đồng cũng như khoản tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu.

Đối với số tiền 42.000.000đồng mà nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn ông K thống nhất và thừa nhận, tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền này là không có căn cứ, vì theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự thì nguyên đơn phải báo trước thời gian cho bị đơn, tuy nhiên nguyên đơn chưa khi nào báo trước bị đơn về việc yêu cầu trả lại khoản tiền này, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu lãi đối với số tiền nợ 42.000.000đồng này.

** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự số 27/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Thị Như Y đối với ông Lâm Đăng K.

Căn cứ vào: các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 351, 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

1. Tuyên xử:

Buộc ông Lâm Đăng K phải trả cho bà Nguyễn Thị Như Y số tiền 308.800.000đồng (ba trăm lẻ tám triệu, tám trăm nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 292.000.000đồng; tiền nợ lãi là 16.800.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí DS-ST: 15.440.000đồng (mười lăm triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) ông Lâm Đăng K phải chịu.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Như Y số tiền tạm ứng án phí 7.300.000đồng (bảy triệu, ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009001 ngày 05/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

* Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 26/6/2023 ông Lâm Đăng K kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Tại phiên tòa ông Lâm Đăng K và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như Y về việc buộc ông phải trả các khoản tiền gồm: Số tiền 250.000.000đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 17/5/2023 do ông K không ký vào trang 01, 02 của hợp đồng; nợ lãi của số tiền 250.000.000đồng và của số tiền 42.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Như Y là Công ty luật Q do ông Trương Công S đại diện và ông Lâm Đăng K đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Số tiền ông Lâm Đăng K phải trả cho bà Nguyễn Thị Như Y là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ được chia làm 04 phân kỳ và ông K trả nợ cho bà Y theo từng phân kỳ như sau:

- + Ngày 01/10/2023 trả số tiền 50.000.000đồng;
- + Ngày 01/01/2024 trả số tiền 50.000.000đồng;
- + Ngày 01/4/2024 trả số tiền 50.000.000đồng;
- + Ngày 01/7/2024 trả số tiền 50.000.000đồng;

Nếu ông K vi phạm về việc trả nợ theo phân kỳ như đã thỏa thuận thì ông Khoa phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho bà Y.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 10.000.000đồng (mười triệu đồng), ông Lâm Đăng K chịu.

- Bà Nguyễn Thị Như Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 7.300.000đồng (bảy triệu, ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009001 ngày 05/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Lâm Đăng K chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000363 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày

14/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 351, 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Số tiền ông Lâm Đăng K phải trả cho bà Nguyễn Thị Như Y là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ được chia làm 04 phân kỳ và ông K trả nợ cho bà Y theo từng phân kỳ như sau:

- + Ngày 01/10/2023 trả số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);
- + Ngày 01/01/2024 trả số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);
- + Ngày 01/4/2024 trả số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);
- + Ngày 01/7/2024 trả số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);

Nếu ông K vi phạm về việc trả nợ theo phân kỳ như đã thỏa thuận thì ông K phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho bà Y.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), ông Lâm Đăng K chịu.

- Bà Nguyễn Thị Như Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 7.300.000 đồng (bảy triệu, ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009001 ngày 05/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Lâm Đăng K chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã

nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000363 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Hồ sơ vụ án;
- Tổ nghiệp vụ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoài Sơn

